

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Nơi sinh	Trường Đạu NV1	Tổng điểm thường
1	121711	Lê Huy	Ân	01/02/2004	TRUE	9/1	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	27.5
2	121783	Trần Thiện	Danh	31/07/2003	FALSE	9/1	TP.HCM	THPT LÊ THỊ HỒNG GẤM	23.25
3	121869	Lê Văn Đăng	Huy	08/04/2004	TRUE	9/1	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	34.75
4	121872	Nguyễn Tuấn	Huy	09/01/2004	TRUE	9/1	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	34
5	121875	Trần Ngọc Khánh	Huy	20/02/2004	TRUE	9/1	TP.HCM	THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI	36.75
6	121973	Trần Đình Nhật	Minh	02/07/2004	TRUE	9/1	TP.HCM	THPT NGUYỄN AN NINH	25
7	122016	Thái Nguyên	Ngọc	13/04/2004	FALSE	9/1	TP.HCM	THPT NGUYỄN AN NINH	26.75
8	122021	Trương Thảo	Ngọc	23/08/2004	FALSE	9/1	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	30
9	122052	Trương Bảo	Nhi	18/12/2004	FALSE	9/1	TP.HCM	THPT NGUYỄN AN NINH	27.75
10	122055	Vũ Lê Thảo	Nhi	29/10/2004	FALSE	9/1	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	29.25
11	122073	Trần Minh	Nhật	02/11/2004	TRUE	9/1	TP.HCM	THPT NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	43.25
12	122089	Hoàng	Phúc	25/05/2004	TRUE	9/1	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	31
13	122144	Lê Đức	Tâm	17/04/2004	TRUE	9/1	TP.HCM	THPT NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	41.75
14	122230	Lê Minh	Thy	18/03/2004	FALSE	9/1	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	27.25
15	122235	Trần Thủy	Tiên	26/11/2004	FALSE	9/1	TP.HCM	THPT NGUYỄN AN NINH	29.75
16	122284	Phạm Thành	Tuân	28/10/2004	TRUE	9/1	TP.HCM	THPT NGÔ QUYỀN	30.75
17	122302	Đỗ Thị Thuỳ	Vân	13/01/2004	FALSE	9/1	Thanh Hóa	THPT NGUYỄN KHUYẾN	27.75
18	122333	Trần Ngọc	Xuân	21/07/2004	FALSE	9/1	Long An	THPT NGUYỄN KHUYẾN	32.25
19	92275	Nguyễn Trần Cát	Anh	09/03/2004	FALSE	9/1	TP.HCM	THPT NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	40.25
20	93750	Trần Ngọc Mỹ	Duyên	02/08/2004	FALSE	9/1	TP.HCM	THPT NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	41.25
21	121722	Huỳnh Hoàng Kim	Anh	12/01/2004	FALSE	9/2	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	33.75
22	121730	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	09/04/2004	FALSE	9/2	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	34
23	121865	Nguyễn Thị	Hường	30/06/2004	FALSE	9/2	Hải Dương	THPT NGUYỄN DU	36.5

24	121877	Nguyễn Ngọc Thanh	Huyền	03/03/2004	FALSE	9/2	TP.HCM	THPT NGUYỄN THỊ DIỆU	29.25
25	121897	Nguyễn Minh	Khoa	03/02/2004	TRUE	9/2	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	31.25
26	121953	Nguyễn Ngọc Bảo	Ly	23/07/2004	FALSE	9/2	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	33
27	121964	Đinh Phát	Minh	26/08/2004	TRUE	9/2	TP.HCM	THPT NGUYỄN AN NINH	25
28	122057	Lâm Thụy Trúc	Nhiên	30/03/2004	FALSE	9/2	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	37
29	122101	Phạm Nguyễn Hồng	Phước	28/06/2004	TRUE	9/2	TP.HCM	THPT HÙNG VƯƠNG	30.5
30	122111	Đinh Hồng	Quân	29/07/2004	FALSE	9/2	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	36.75
31	122182	Nguyễn Bá	Thảo	07/08/2004	FALSE	9/2	Bình Định	THPT BÙI THỊ XUÂN	36.25
32	122218	Lê Trọng	Thuần	08/10/2004	TRUE	9/2	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	35
33	122221	Trần Thị Hoài	Thương	11/03/2004	FALSE	9/2	Quảng Bình	THPT NGUYỄN AN NINH	24.25
34	122226	Lương Ngọc Thanh	Thủy	08/12/2004	FALSE	9/2	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	39
35	122246	Đoàn Ngọc Thanh	Toàn	31/01/2004	TRUE	9/2	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	31.5
36	122248	Trần Lê Thập	Toàn	23/09/2003	TRUE	9/2	TP.HCM	THPT NGUYỄN AN NINH	30
37	122303	Lê Khải	Vân	09/03/2004	FALSE	9/2	TP.HCM	THPT NGUYỄN AN NINH	26.75
38	122308	Nguyễn Phú	Vang	05/01/2004	TRUE	9/2	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	35
39	122314	Nguyễn Đình Anh	Vũ	29/12/2004	TRUE	9/2	Hà Nội	THPT NGUYỄN KHUYẾN	29.25
40	93547	Ngô Anh	Tú	08/10/2004	FALSE	9/2	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	36.75
41	121720	Dương Thị Lan	Anh	07/10/2004	FALSE	9/3	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	30.25
42	121734	Nguyễn Trần Tuấn	Anh	17/11/2004	TRUE	9/3	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	34
43	121735	Nguyễn Trần Vân	Anh	24/04/2004	FALSE	9/3	Hà Nội	THPT NGUYỄN KHUYẾN	30
44	121745	Trần Nguyễn Quỳnh	Anh	11/04/2004	FALSE	9/3	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	37.75
45	121791	Đồng Nguyễn Ngọc	Đức	23/10/2004	TRUE	9/3	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	39.5
46	121832	Bùi Thị Thúy	Hằng	03/05/2004	FALSE	9/3	Bến Tre	THPT NGUYỄN AN NINH	26.5
47	121834	Nguyễn Tuyết	Hằng	30/09/2004	FALSE	9/3	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	29.5

48	121924	Nguyễn Gia	Kỳ	27/03/2004	FALSE	9/3	TP.HCM	THPT MARIE CURIE	30.75
49	121946	Phan Tấn	Lộc	08/12/2004	TRUE	9/3	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	29
50	121954	Lê Nguyễn Tuyết	Mai	15/10/2004	FALSE	9/3	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	33.75
51	122002	Nguyễn Ngọc Mạnh	Nghi	11/08/2004	FALSE	9/3	TP.HCM	THPT BÀ ĐIỂM	34.75
52	122006	Khuất Minh	Ngọc	19/03/2004	FALSE	9/3	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	30.75
53	122012	Phạm Bảo Mỹ	Ngọc	15/07/2004	FALSE	9/3	TP.HCM	THPT SƯƠNG NGUYỆT ANH	23.75
54	122024	Lê Huỳnh Hồng	Nguyên	01/02/2004	TRUE	9/3	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	32
55	122066	Nguyễn Huỳnh	Như	26/05/2004	FALSE	9/3	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	42.25
56	121719	Đoàn Thế	Anh	08/08/2004	TRUE	9/4	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	36.25
57	121739	Phạm Hoàng Lan	Anh	17/02/2004	FALSE	9/4	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	30.5
58	121776	Phạm Chí	Cương	28/04/2004	TRUE	9/4	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	28.25
59	121794	Phạm Minh	Đức	06/03/2004	TRUE	9/4	Quảng Nam	THPT NGUYỄN KHUYẾN	37.75
60	121909	Nguyễn Thanh	Khôi	12/04/2004	TRUE	9/4	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	31.5
61	121928	Nguyễn Trọng	Lễ	01/03/2004	TRUE	9/4	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	33.5
62	122011	Nguyễn Võ Bảo	Ngọc	06/02/2004	FALSE	9/4	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	36.5
63	122032	Nguyễn Thành	Nhân	23/06/2004	TRUE	9/4	An Giang	THPT NGUYỄN KHUYẾN	29.5
64	122147	Nguyễn Phan Đan	Tâm	23/09/2004	FALSE	9/4	TP.HCM	THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI	40
65	122163	Trần Nguyễn Hữu	Thắng	04/12/2004	TRUE	9/4	TP.HCM	THPT NGUYỄN AN NINH	26.5
66	122188	Phan Thị Mai	Thị	29/10/2004	FALSE	9/4	Trà Vinh	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	31.25
67	122198	Đỗ Chí	Thịnh	11/11/2004	TRUE	9/4	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	32.25
68	122259	Nguyễn Minh	Trí	15/03/2004	TRUE	9/4	TP.HCM	THPT BÌNH HƯNG HÒA	27.5
69	122296	Phan Thanh	Tuyền	20/08/2003	FALSE	9/4	TP.HCM	THPT DIÊN HỒNG	26.25
70	122327	Trần Thanh	Vy	24/05/2004	FALSE	9/4	TP.HCM	THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI	38.25
71	92254	Hoàng Thảo	Anh	10/08/2004	FALSE	9/4	TP.HCM	THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI	38.25

72	94011	Đỗ Chí	Thắng	11/11/2004	TRUE	9/4	TP.HCM	THPT NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	37.75
73	121713	Vũ Ngọc	Ân	30/07/2004	FALSE	9/5	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	32
74	121807	Cao Hồng Kỳ	Duyên	24/03/2004	FALSE	9/5	An Giang	THPT NGUYỄN DU	41.75
75	121828	Thái Tổng Gia	Hân	03/12/2004	FALSE	9/5	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	30
76	121858	Huỳnh Thị Y	Huệ	11/08/2004	FALSE	9/5	Quảng Ngãi	THPT HÙNG VƯƠNG	30.5
77	121882	Nguyễn Hữu	Khang	28/06/2004	TRUE	9/5	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	32
78	121886	Trần Gia	Khang	06/05/2004	TRUE	9/5	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	29.25
79	121925	Nguyễn Cao	Lâm	09/05/2004	TRUE	9/5	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	30.5
80	121937	Lương Thùy	Linh	09/06/2004	FALSE	9/5	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	28.25
81	122134	Trần Như	Quỳnh	09/04/2004	FALSE	9/5	Huế	THPT NGUYỄN DU	33.75
82	122179	Lâm Minh Phương	Thảo	16/09/2004	FALSE	9/5	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	27.25
83	122191	Nguyễn Hoàn	Thiên	09/08/2004	TRUE	9/5	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	34.5
84	122209	Ngô Anh	Thư	20/02/2004	FALSE	9/5	TPHCM	THPT TRẦN QUANG KHẢI	30
85	122223	Nguyễn Ngọc	Thùy	01/02/2004	FALSE	9/5	TP.HCM	THPT MARIE CURIE	32.5
86	92276	Nguyễn Trịnh Minh	Anh	01/01/2004	FALSE	9/5	TP. HCM	THPT BÙI THỊ XUÂN	35.25
87	92388	Đoàn Thị Huyền	Diệu	15/11/2004	FALSE	9/5	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	38.5
88	93551	Nguyễn Thị Kim	An	30/01/2004	FALSE	9/5	TP.HCM	THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI	38
89	121702	Hồ Thái	An	29/06/2004	TRUE	9/6	TP.HCM	THPT NGUYỄN AN NINH	30
90	121760	Lâm Võ An	Bình	30/06/2004	TRUE	9/6	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	31.75
91	121773	Lê Văn	Chiến	11/03/2004	TRUE	9/6	Thanh Hóa	THPT TÂY THANH	35
92	121808	Đỗ Ánh	Duyên	04/01/2004	FALSE	9/6	Bắc Giang	THPT NGUYỄN KHUYẾN	36
93	121827	Nguyễn Lý Bảo	Hân	18/02/2004	FALSE	9/6	TP.HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH - ĐHSPT	42
94	121855	Trịnh Xuân Quang	Hợp	01/01/2004	TRUE	9/6	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	27.25
95	121943	Vũ Nhật Phương	Linh	02/09/2004	FALSE	9/6	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	33

96	121969	Nguyễn Văn	Minh	08/12/2004	TRUE	9/6	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	28.5
97	121978	Nguyễn Võ Trà	My	26/09/2004	FALSE	9/6	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	28
98	121979	Tạ Nguyễn Hà	My	13/05/2004	FALSE	9/6	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	28
99	121995	Nguyễn Cao Thanh	Ngân	19/05/2004	FALSE	9/6	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	37.75
100	122104	Khưu Ngọc Thanh	Phương	11/12/2004	TRUE	9/6	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	31
101	122166	Huỳnh Nguyễn Mai	Thanh	25/11/2004	FALSE	9/6	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	39
102	122168	Nguyễn Vũ Minh	Thanh	18/05/2004	FALSE	9/6	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	31.25
103	122202	Trần Nguyễn Quốc	Thịnh	04/04/2004	TRUE	9/6	TP.HCM	THPT NGUYỄN AN NINH	25
104	122307	Nguyễn Ngọc	Vang	27/05/2004	FALSE	9/6	TP.HCM	THPT NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	39.25
105	121738	Ninh Tú	Anh	11/06/2004	FALSE	9/7	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	31.75
106	121741	Phùng Quốc Thiên	Anh	31/01/2004	TRUE	9/7	TP.HCM	THPT NGUYỄN AN NINH	24.75
107	121756	Phạm Liêu Gia	Bảo	28/12/2004	TRUE	9/7	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	28.25
108	121785	Lê Quang	Đạt	20/12/2004	TRUE	9/7	TP.HCM	THPT NGUYỄN THỊ DIỆU	25.5
109	121797	Cao Khánh	Duy	03/02/2004	TRUE	9/7	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	35.5
110	121809	Huỳnh Thị Ngọc	Duyên	13/11/2004	FALSE	9/7	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	38
111	121819	Lê Nguyễn Nhật	Hạ	15/05/2004	FALSE	9/7	TP.HCM	THPT NGUYỄN AN NINH	31
112	121825	Hà Thúy	Hân	17/05/2004	FALSE	9/7	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	31.75
113	121900	Phạm Hà Minh	Khoa	22/11/2004	TRUE	9/7	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	33
114	121917	Trần Anh	Kiệt	13/08/2004	TRUE	9/7	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	30.75
115	121927	Nguyễn Minh	Lâm	07/07/2004	TRUE	9/7	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	36
116	121949	Phạm Nguyễn Hoàng	Long	20/04/2004	TRUE	9/7	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	32.25
117	121957	Vũ Hoàng	Mai	17/02/2004	FALSE	9/7	TP.HCM	THPT DIỄN HỒNG	23.25
118	122027	Phạm Hoàng	Nguyên	18/12/2004	FALSE	9/7	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	39.5
119	122038	Đỗ Ngọc Bảo	Nhi	15/02/2004	FALSE	9/7	TP.HCM	THPT NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	40.75

120	122053	Trương Thảo	Nhi	03/12/2004	FALSE	9/7	TP.HCM	THPT LÊ QUÝ ĐÔN	39
121	122093	Nguyễn Hoàng	Phúc	10/09/2004	TRUE	9/7	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	32.25
122	122110	Cao Lê Anh	Quân	08/04/2004	TRUE	9/7	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	41.5
123	122189	Vũ Hồ Nhã	Thi	27/10/2004	FALSE	9/7	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	34
124	122213	Nguyễn Phạm Minh	Thư	10/09/2004	FALSE	9/7	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	34.75
125	122275	Nguyễn Thanh	Trúc	07/07/2004	FALSE	9/7	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	34.25
126	122319	Lưu Hoàng Lê	Vy	29/12/2004	FALSE	9/7	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	37.25
127	92295	Trần Thị Thảo	Anh	29/09/2004	FALSE	9/7	Lâm Đồng	THPT BÙI THỊ XUÂN	34.25
128	92945	Lê Đàm Mai	Thy	05/05/2004	FALSE	9/7	TP.HCM	THPT NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	38.25
129	92967	Hoàng Thị Bảo	Trân	02/06/2004	FALSE	9/7	TP.HCM	THPT BÙI THỊ XUÂN	37
130	92989	Phạm Minh	Triết	24/05/2004	TRUE	9/7	TP.HCM	THPT NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	41.25
131	92995	Trần Đào Thanh	Trúc	05/02/2004	FALSE	9/7	TP.HCM	THPT BÙI THỊ XUÂN	39.5
132	93282	Quách Bằng	Quốc	14/02/2004	TRUE	9/7	TP.HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH - ĐHSP	39.25
133	94409	Bùi Kiều Anh	Thư	24/11/2004	FALSE	9/7	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	33.25
134	121723	Huỳnh Quế	Anh	02/02/2004	FALSE	9/8	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	29
135	121751	Trương Vũ Xuân	Ánh	16/03/2004	FALSE	9/8	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	36
136	121771	Nguyễn Huỳnh Mai	Chi	06/08/2004	FALSE	9/8	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	36
137	121836	Đỗ Minh	Hạnh	20/03/2004	FALSE	9/8	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	32.5
138	121840	Vũ Thị Thu	Hảo	12/03/2004	FALSE	9/8	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	34
139	121868	Lê Gia	Huy	12/03/2004	TRUE	9/8	TP.HCM	THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI	36.5
140	121907	Lê Tuấn	Khôi	02/08/2004	TRUE	9/8	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	28.75
141	121963	Đinh Lê Thiên	Minh	24/04/2004	TRUE	9/8	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	30.5
142	121967	Nguyễn Bá Quang	Minh	15/04/2004	TRUE	9/8	TP.HCM	THPT NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	38.5
143	121984	Đinh Thiện	Mỹ	27/03/2004	FALSE	9/8	TP.HCM	THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI	36.5

144	122004	Nguyễn Thái Chí	Nghĩa	29/12/2004	TRUE	9/8	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	36
145	122059	Đỗ Minh	Như	20/03/2004	FALSE	9/8	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	34.75
146	122082	Trần Đức	Phong	12/08/2004	TRUE	9/8	TP.HCM	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH	29
147	122094	Nguyễn Hoàng	Phúc	05/04/2004	TRUE	9/8	TP.HCM	THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI	38.25
148	122133	Phạm Nguyễn Phương	Quỳnh	24/11/2004	FALSE	9/8	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	30.25
149	122195	Nguyễn Tâm	Thiện	28/02/2004	TRUE	9/8	TP.HCM	THPT BÙI THỊ XUÂN	36.75
150	122318	Lương Ngọc Phương	Vy	03/12/2004	FALSE	9/8	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	35.25
151	92522	Bùi Nguyễn	Kha	11/02/2004	TRUE	9/8	Quảng Ngãi	THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI	43.25
152	92627	Trương Gia	Linh	01/07/2004	FALSE	9/8	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	34.5
153	93056	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy	08/09/2004	FALSE	9/8	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	38.5
154	93176	Nguyễn Thái Nhất	Huy	01/10/2004	TRUE	9/8	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	39
155	93242	Lê Quang	Nhân	29/08/2004	TRUE	9/8	TP.HCM	THPT NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	41.25
156	93330	Hồ Tú Minh	Triều	01/01/2004	TRUE	9/8	TP.HCM	THPT NGUYỄN DU	39.25
157	94108	Hà Nguyễn Quỳnh	Vy	21/01/2004	FALSE	9/8	TP.HCM	THPT NGUYỄN KHUYẾN	40.75
CHUYÊN									
1	92420	Vũ Hạnh	Duyên	26/06/2004	FALSE	9/7	TP.HCM	CHUYÊN PHỔ THÔNG NĂNG KHIẾU	